|  |  |
| --- | --- |
| **HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN**  **TỈNH KON TUM** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

**Phụ lục 8**

**PHÂN BỔ VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG THỰC HIỆN DỰ ÁN 8**

**THỰC HIỆN BÌNH ĐẲNG GIỚI VÀ GIẢI QUYẾT NHỮNG VẤN ĐỀ**

**CẤP THIẾT ĐỐI VỚI PHỤ NỮ VÀ TRẺ EM**

*(Kèm theo Nghị quyết số /2022/NĐ-HĐND ngày / /2022*

*của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum)*

1.Phân bổ vốn đầu tư: Không.

2.Phân bổ vốn sự nghiệp

a) Phân bổ vốn cho Hội Liên hiệp phụ nữ tỉnh: Không quá 60% tổng số vốn của dự án.

b) Phân bổ vốn cho các địa phương: Áp dụng phương pháp tính điểm theo các tiêu chí như sau:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung tiêu chí** | **Điểm** | **Số lượng** | **Tổng số điểm** |
| 1 | Mỗi xã đặc biệt khó khăn (Xã khu vực III), xã ATK thuộc khu vực II, I *(Xã chưa được cấp có thẩm quyền công nhận đạt chuẩn nông thôn mới, hoàn thành mục tiêu Chương trình 135)* | 10 | a | 10 x a |
| 2 | Mỗi thôn đặc biệt khó khăn không thuộc xã khu vực III *(Số thôn đặc biệt khó khăn được tính điểm phân bổ vốn không quá 4 thôn/xã ngoài khu vực III)* | 2 | b | 2 x b |
| 3 | Mỗi xã đặc biệt khó khăn là xã biên giới được tính thêm điểm | 1 | c | 1 x c |
|  | **Tổng cộng điểm** |  |  | **Xk,i** |

Xã đặc biệt khó khăn được xác định theo Quyết định 861/QĐ-TTg và các Quyết định sửa đổi, bổ sung (nếu có); xã ATK, xã biên giới được xác định theo Quyết định của cấp có thẩm quyền; thôn đặc biệt khó khăn không thuộc xã khu vực III được xác định theo Quyết định 612/QĐ-UBDT và các Quyết định sửa đổi, bổ sung (nếu có)./.